

Phụ lục 20
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH GIANG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	Quốc lộ 80		
	- Từ ranh xã Bình Sơn đến Kênh 7	2.016	
	- Kênh 7 - Kênh 5	2.184	
	- Kênh 5 - Kênh T5 giáp ranh xã Hòa Điền	1.008	
2	Cụm dân cư xã Bình Giang		
	- Khu tái định cư	600	
	- Khu sinh lợi	900	
3	Đường bờ đông kênh 9 (xóm đạo): Đoạn kênh Rạch Giá - Hà Tiên đến kênh Bèo T5	270	
4	Đường bờ tây kênh 9 (xóm đạo): Đoạn kênh Rạch Giá - Hà Tiên đến kênh Bèo T5	270	
5	Đường bờ Tây kênh Tám Ngàn: Đoạn kênh Rạch Giá - Hà Tiên đến kênh 422	270	
6	Đường bờ Tây kênh 4 Cây Dương: Đoạn kênh Rạch Giá - Hà Tiên - kênh Thủy Lợi - kênh 9 xóm đạo	250	
*	Các tuyến dân cư		
7	Tuyến dân cư Bình Giang 1	262	
8	Tuyến dân cư Bình Giang 2	180	
9	Tuyến dân cư T5 (phía trên nước)	180	
10	Tuyến dân cư T5 (phía dưới nước)	210	
11	Tuyến dân cư T6	210	
13	Đường bộ ven biển Hòn Đất - Kiên Lương từ Cống kênh 10 - kênh T5 giáp Kiên Lương	450	
14	Đường bờ đông kênh 2 Mới: Đoạn từ kênh Rạch Giá - kênh Thủy lợi	210	Bổ sung
15	Đường bờ Tây Nam kênh thủy lợi: Đoạn từ kênh 8000 đến kênh 9 Xóm Đạo	280	Bổ sung
16	Bờ Bắc kênh Trục Giữa: Từ kênh 8000 đến kênh T5	280	Bổ sung

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
17	Kênh 200: Đoạn từ kênh T6 đến kênh 50	450	Bổ sung
18	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	200	Bổ sung
19	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	150	Bổ sung
20	Các tuyến đường còn lại	100	Bổ sung